

Số: 26 /2017/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 20 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định việc cho thuê mặt nước biển, giao khu vực biển nhất định để sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 27/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo;

Theo đề nghị của Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình liên cơ quan số 45/TTr-LCQ ngày 14/11/2017; Báo cáo thẩm định số 51/BCTĐ-STP ngày 18/10/2017 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc cho thuê mặt nước biển, giao khu vực biển nhất định để sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì cùng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện triển khai, thực hiện Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Nội vụ, Công an thành phố; Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng Hải Phòng, Cục Thuế thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện có biển và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2017.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản;
- Các Bộ: TN&MT, NN&PTNT;
- TTTU, TT HĐND thành phố;
- Đoàn ĐB QH TP Hải Phòng;
- CT, các PCT UBND TP;
- VP UBND thành phố;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Báo Hải Phòng, Đài PT&THHP;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

QUY ĐỊNH
Về việc cho thuê mặt nước biển, giao khu vực
biển nhất định để sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản
trên địa bàn thành phố Hải Phòng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2017/QĐ-UBND ngày 20 /11 /2017
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

1. Quyết định này quy định việc cho thuê mặt nước biển, giao khu vực biển nhất định để sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng, gồm: cho thuê và quản lý, sử dụng mặt nước biển để nuôi thủy sản lồng bè; giao và quản lý, sử dụng khu vực biển để nuôi nhuyễn thể.

2. Các trường hợp giao mặt nước biển không thu tiền sử dụng; giao mặt nước biển để nghiên cứu khoa học; giao khu vực biển để khai thác và sử dụng tài nguyên biển khác được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Quy định này áp dụng đối với:

Các tổ chức, cá nhân trong nước đang sử dụng mặt nước biển để nuôi thủy sản lồng bè hoặc có nhu cầu sử dụng mặt nước biển để nuôi thủy sản lồng bè trên địa bàn thành phố.

Các tổ chức, cá nhân trong nước có nhu cầu sử dụng khu vực biển để nuôi nhuyễn thể trong vùng biển 03 hải lý, thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân thành phố.

Các tổ chức khác có liên quan tới việc quản lý, sử dụng mặt nước biển, khu vực biển trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Giải thích từ ngữ.

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mặt nước biển: là mặt nước biển có khối nước biển gắn liền bề mặt biển, không bao gồm đáy biển.

2. Khu vực biển: là khu vực biển bao gồm các thành phần khối nước biển và đáy biển.

3. Lồng, bè: là cấu trúc nổi gồm bè cá, lồng nuôi cá và nhà bè được sử dụng để nuôi thủy sản trên biển.

4. Chất thải là các chất thải từ hoạt động nuôi thủy sản lồng bè bao gồm chất thải rắn, chất thải lỏng như: Thức ăn thừa, chất thải của đối tượng nuôi, xác chết của các đối tượng nuôi, bao bì, dư lượng các loại thuốc, hóa chất phòng trị bệnh, chế phẩm sinh học và các chất xử lý môi trường nuôi, nước thải từ lồng nuôi, chất thải do con người thải ra.

Điều 4. Điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân nuôi thủy sản lồng bè và nuôi nhuyển thể.

1. Tổ chức, cá nhân được thuê mặt nước biển, giao khu vực biển phải có các điều kiện sau đây:

a) Có đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản.

b) Có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Nội dung của dự án đầu tư phải thể hiện: phương án đầu tư và xử lý tài sản đầu tư trên mặt nước biển, khu vực biển, phương án phục hồi môi trường biển.

2. Tổ chức, cá nhân đã được thuê mặt nước biển để nuôi thủy sản lồng bè, giao khu vực biển để nuôi nhuyển thể chỉ được xem xét tiếp tục cho thuê mặt nước biển, giao khu vực biển và gia hạn thời hạn cho thuê, giao khi:

a) Chấp hành tốt quy định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản, về bảo vệ môi trường.

b) Bảo đảm an ninh, an toàn trên biển theo quy định của pháp luật về biển.

Điều 5. Nguyên tắc chung.

Việc cho thuê mặt nước biển để nuôi thủy sản lồng bè, giao khu vực biển để nuôi nhuyển thể phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Một vị trí mặt nước biển, khu vực biển chỉ được giao cho một tổ chức, cá nhân.

2. Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phân vùng sử dụng biển hoặc quy hoạch nuôi trồng thủy sản.

Trường hợp chưa có quy hoạch, kế hoạch phân vùng sử dụng biển hoặc quy hoạch nuôi trồng thủy sản được duyệt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì cùng Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành liên quan xác định vị trí dự kiến nuôi trồng thủy sản, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chấp thuận từng trường hợp cụ thể.

CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

MỤC 1: QUẢN LÝ, SỬ DỤNG MẶT NƯỚC BIỂN.

Điều 6. Đối tượng được thuê mặt nước biển.

Tổ chức, cá nhân trong nước có nhu cầu thuê mặt nước biển để nuôi thủy sản lồng bè được thuê mặt nước biển và phải nộp tiền thuê mặt nước biển.

Điều 7. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận và tổ chức thẩm định dự án đầu tư nuôi trồng thủy sản. Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ xin thuê, xin gia hạn mặt nước biển đối với tổ chức. Ủy ban nhân dân các quận/huyện (Phòng Tài nguyên và Môi trường) tiếp nhận hồ sơ xin thuê, xin gia hạn mặt nước biển đối với cá nhân.

Điều 8. Thẩm quyền cho thuê, gia hạn thời hạn sử dụng mặt nước biển để nuôi thủy sản lồng bè.

1. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho thuê, gia hạn thời hạn sử dụng mặt nước biển đối với cá nhân có nhu cầu sử dụng mặt nước biển nuôi thủy sản lồng bè.

2. Ủy ban nhân dân thành phố cho thuê, gia hạn thời hạn sử dụng mặt nước biển đối với tổ chức có nhu cầu thuê mặt nước biển để thực hiện dự án đầu tư nuôi thủy sản lồng bè.

3. Việc tiếp nhận và thẩm định hồ sơ xin thuê mặt nước biển, gia hạn thời hạn sử dụng mặt nước biển thực hiện theo Điều 10, Điều 13 Nghị định số 27/2005/NĐ-CP ngày 08/3/2005 của Chính phủ.

Điều 9. Thu hồi mặt nước biển và bồi thường, hỗ trợ.

1. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi mặt nước biển đối với các trường hợp quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 29 Luật Thủy sản.

2. Tổ chức, cá nhân có mặt nước biển bị thu hồi theo các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 29 Luật Thủy sản phải tự tháo dỡ, di chuyển tài sản đã đầu tư trên mặt nước biển theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 27/2005/NĐ-CP ngày 08/3/2005 của Chính phủ.

3. Trường hợp thu hồi mặt nước biển theo Điểm đ Khoản 1 Điều 29 Luật Thủy sản, việc xử lý tài sản đã đầu tư trên mặt nước biển, tiền thuê mặt nước biển, bồi thường, hỗ trợ về thủy sản (nếu có) được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 27/2005/NĐ-CP ngày 08/3/2005 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án đề xuất khoản kinh phí bồi thường, hỗ trợ về thủy sản (nếu có), hỗ trợ di chuyển lồng bè theo phương án trong dự án đầu tư được duyệt; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định trước khi ra quyết định thu hồi mặt nước biển.

4. Thẩm quyền thu hồi thực hiện theo Khoản 2 Điều 29 Luật Thủy sản.

Điều 10. Nghĩa vụ tài chính.

1. Tổ chức, cá nhân được thuê mặt nước biển để nuôi thủy sản lồng bè phải nộp tiền thuê mặt nước biển theo quy định.

2. Việc xác định giá cho thuê mặt nước biển và việc miễn, giảm tiền thuê mặt nước biển để sử dụng vào mục đích nuôi thủy sản lồng bè trên địa bàn thành phố được thực hiện theo quy định hiện hành.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận và tổ chức thẩm định dự án đầu tư nuôi trồng thủy sản. Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ xin thuê, xin gia hạn mặt nước biển đối với tổ chức. Ủy ban nhân dân các quận/huyện (Phòng Tài nguyên và Môi trường) tiếp nhận hồ sơ xin thuê, xin gia hạn mặt nước biển đối với cá nhân.

Điều 8. Thẩm quyền cho thuê, gia hạn thời hạn sử dụng mặt nước biển để nuôi thủy sản lồng bè.

1. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho thuê, gia hạn thời hạn sử dụng mặt nước biển đối với cá nhân có nhu cầu sử dụng mặt nước biển nuôi thủy sản lồng bè.

2. Ủy ban nhân dân thành phố cho thuê, gia hạn thời hạn sử dụng mặt nước biển đối với tổ chức có nhu cầu thuê mặt nước biển để thực hiện dự án đầu tư nuôi thủy sản lồng bè.

3. Việc tiếp nhận và thẩm định hồ sơ xin thuê mặt nước biển, gia hạn thời hạn sử dụng mặt nước biển thực hiện theo Điều 10, Điều 13 Nghị định số 27/2005/NĐ-CP ngày 08/3/2005 của Chính phủ.

Điều 9. Thu hồi mặt nước biển và bồi thường, hỗ trợ.

1. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi mặt nước biển đối với các trường hợp quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 29 Luật Thủy sản.

2. Tổ chức, cá nhân có mặt nước biển bị thu hồi theo các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 29 Luật Thủy sản phải tự tháo dỡ, di chuyển tài sản đã đầu tư trên mặt nước biển theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 27/2005/NĐ-CP ngày 08/3/2005 của Chính phủ.

3. Trường hợp thu hồi mặt nước biển theo Điểm đ Khoản 1 Điều 29 Luật Thủy sản, việc xử lý tài sản đã đầu tư trên mặt nước biển, tiền thuê mặt nước biển, bồi thường, hỗ trợ về thủy sản (nếu có) được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 27/2005/NĐ-CP ngày 08/3/2005 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án đề xuất khoản kinh phí bồi thường, hỗ trợ về thủy sản (nếu có), hỗ trợ di chuyển lồng bè theo phương án trong dự án đầu tư được duyệt; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định trước khi ra quyết định thu hồi mặt nước biển.

4. Thẩm quyền thu hồi thực hiện theo Khoản 2 Điều 29 Luật Thủy sản.

Điều 10. Nghĩa vụ tài chính.

1. Tổ chức, cá nhân được thuê mặt nước biển để nuôi thủy sản lồng bè phải nộp tiền thuê mặt nước biển theo quy định.

2. Việc xác định giá cho thuê mặt nước biển và việc miễn, giảm tiền thuê mặt nước biển để sử dụng vào mục đích nuôi thủy sản lồng bè trên địa bàn thành phố được thực hiện theo quy định hiện hành.

hàng hải và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ.

Điều 15. Bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi khu vực biển.

Trường hợp thu hồi khu vực biển theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ, tổ chức, cá nhân có khu vực biển bị thu hồi được bồi thường, hỗ trợ về thủy sản (nếu có) và hỗ trợ di chuyển tài sản theo phương án xử lý tài sản thể hiện trong dự án đầu tư đã được thẩm định. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án đề xuất mức bồi thường, hỗ trợ về thủy sản (nếu có) và phần kinh phí hỗ trợ di chuyển tài sản (theo phương án xử lý tài sản thể hiện trong dự án đầu tư) báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định trước khi ra quyết định thu hồi khu vực biển.

Điều 16. Nghĩa vụ tài chính.

Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi nhuyễn thể phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định hiện hành.

CHƯƠNG III: QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN

Điều 17. Quy định về điều kiện nuôi, trang thiết bị kỹ thuật.

1. Điều kiện nuôi lồng, bè:

a) Vị trí đặt lồng, bè không bị ảnh hưởng bởi lũ, phương tiện giao thông đường thủy, mực nước không bị thay đổi đột ngột, không có dòng xoáy và không bị ảnh hưởng của các nguồn gây ô nhiễm; chọn nơi có dòng nước chảy, lưu tốc từ 0,2-0,5 mét/giây (m/s); đáy lồng, bè phải đặt cách mặt đáy ít nhất 1m vào lúc mực nước thấp nhất.

b) Thể tích lồng có kích cỡ tối thiểu 27 m³, được bố trí đặt thành từng cụm (tối đa 6-10 lồng/cụm, kích cỡ tối đa 150 m³/cụm): các cụm lồng, bè khi đặt song song phải cách nhau tối thiểu 10m; khi đặt so le, nối tiếp cách nhau tối thiểu 200 m để không gây cản trở dòng chảy.

c) Mật độ lồng, bè cho toàn vùng nuôi ở khu vực nước chảy chiếm tối đa 0,2% diện tích mặt nước lúc mực nước thấp nhất; khu vực nước tĩnh chiếm tối đa 0,05% diện tích mặt nước lúc mực nước thấp nhất.

d) Trang thiết bị:

- Lồng, bè được làm bằng vật liệu chắc chắn, bền, có khả năng chống chịu với môi trường nước, sóng, gió và chất khử trùng tiêu độc được phép sử dụng theo quy định.

- Dụng cụ, thiết bị sử dụng trong quá trình nuôi phải đảm bảo không gây tổn hại cho đối tượng nuôi, dễ làm vệ sinh tiêu độc, khử trùng, không gây tổn hại đến môi trường khu vực nuôi.

- Động cơ và thiết bị máy móc sử dụng phải đảm bảo không rò rỉ xăng, dầu vào nguồn nước.

đ) Công trình phụ trợ:

- Khu ăn, nghỉ, sinh hoạt phải sạch sẽ, không ảnh hưởng đến hoạt động nuôi thủy sản.

- Kho chứa thức ăn, nguyên liệu làm thức ăn phải có mái che, thông thoáng, không ẩm ướt, ngăn được côn trùng và động vật gây hại. Khu chứa xăng, dầu được bố trí riêng biệt với kho chứa thức ăn, nguyên liệu làm thức ăn. Khu vực chứa dụng cụ, thiết bị phải gọn gàng không ảnh hưởng đến hoạt động nuôi.

- Khu chế biến thức ăn cho thủy sản phải ở vị trí riêng biệt. Thiết bị, dụng cụ chế biến thức ăn phải được bố trí, lắp đặt dễ kiểm tra, dễ làm vệ sinh và khử trùng.

- Nhà vệ sinh: bố trí nhà vệ sinh phù hợp với số lượng lao động trên lồng, bè (ít nhất 01 nhà vệ sinh cho 2-5 người), kín và tự hoại, đảm bảo không có mối nguy làm ô nhiễm môi trường và khu vực nuôi.

- Mỗi cơ sở phải lắp đặt thùng rác và chuyển đến nơi thu rác tập trung.

- Không xả rác và các loại chất thải ra vùng nuôi và môi trường nước tự nhiên làm ảnh hưởng ô nhiễm môi trường.

2. Quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm trong kỹ thuật nuôi

a) Chuẩn bị lồng, bè nuôi: Lồng, bè nuôi phải được vệ sinh, khử trùng trước và sau khi nuôi theo quy trình kỹ thuật với từng đối tượng thủy sản.

b) Quy định về giống thủy sản:

- Giống thủy sản có nguồn gốc rõ ràng, phải được mua từ các cơ sở đảm bảo chất lượng cá bố mẹ, cá giống và quá trình sản xuất giống, ương dưỡng; được kiểm tra, kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền.

- Thả giống đúng lịch mùa vụ, tùy theo đối tượng mật độ không quá 50 con/m³ đối với nuôi thương phẩm, kích cỡ giống phù hợp mắt lưới lồng nuôi.

c) Thức ăn để nuôi thủy sản:

- Sử dụng thức ăn công nghiệp nằm trong danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam; không sử dụng thức ăn đã hết hạn sử dụng.

- Thức ăn tự chế biến: đảm bảo thành phần dinh dưỡng; nguyên liệu để chế biến không có Salmonella, nấm mốc độc (*Aspergillus flavus*), độc tố aflatoxin B₁; không chứa kháng sinh, hóa chất cấm sử dụng trong nuôi trồng thủy sản.

- Hạn chế sử dụng thức ăn tươi, quá trình nuôi khuyến khích người dân thay thế dần thức ăn tươi bằng thức ăn công nghiệp có độ đậm cao để hạn chế ô nhiễm môi trường.

d) Phòng trị bệnh, sử dụng thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học và chất xử lý cải tạo môi trường:

- Trong quá trình nuôi phải thường xuyên vệ sinh lưới để lồng nuôi luôn được thông thoáng, sạch sẽ; hàng ngày theo dõi môi trường nước và hoạt động của cá. Hàng ngày, theo dõi môi trường nước, dấu hiệu sức khỏe cá kịp thời phát hiện các dấu hiệu bất thường;

- Chỉ sử dụng thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học và chất xử lý cải tạo môi trường dùng cho nuôi trồng thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam, còn hạn sử dụng. Khi sử dụng thuốc kháng sinh phải xác định rõ tác nhân gây bệnh, sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cán bộ kỹ thuật.

- Cơ sở nuôi lồng bè phải ghi chép việc sử dụng thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học và chất xử lý cải tạo môi trường (ghi rõ ngày, loại, liều lượng, cách sử dụng).

- Khi có hiện tượng cá nuôi chết bất thường hoặc dịch bệnh, có dấu hiệu lây lan thì hộ nuôi phải thông báo với chính quyền địa phương, các cơ quan quản lý chuyên môn liên quan để có hướng xử lý kịp thời. Thủy sản chết do bệnh hoặc do các nguyên nhân khác thì phải thu gom, đưa ra khỏi vùng nuôi và tiêu hủy theo đúng quy định; không di chuyển cá từ lồng, bè này sang lồng, bè khác khi đang có bệnh xảy ra.

đ) Thu hoạch:

- Phải tuân thủ quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc theo hướng dẫn của nhà sản xuất về thời gian ngừng sử dụng thuốc, hóa chất trước khi thu hoạch cá.

- Cơ sở phải chấp hành thông báo dừng thu hoạch của cơ quan kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm trong trường hợp các chỉ tiêu vi sinh, hóa học trong sản phẩm nuôi vượt quá giới hạn cho phép.

e) Bảo hộ lao động:

- Người làm việc tại cơ sở phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định, có hiểu biết về chuyên môn, kỹ thuật trong lĩnh vực hoạt động.

- Cơ sở phải trang bị đầy đủ các thiết bị cứu sinh (phao tròn, phao áo).

- Chấp hành nghiêm các quy định về phòng chống cháy, nổ.

f) Xử lý rác thải: Rác thải phải được thu gom, xử lý đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng xấu đến nguồn nước. Không xả rác, thức ăn ôi thiu, thủy sản chết xuống khu vực lồng, bè và môi trường xung quanh.

3. Ghi chép và lưu giữ hồ sơ

- Lập và lưu giữ hồ sơ liên quan bao gồm: giấy chứng nhận quyền sử dụng mặt nước/quyết định giao mặt nước/hợp đồng cho thuê mặt nước/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; hồ sơ mua giống và kiểm dịch khi mua giống bao gồm xuất xứ, số lượng và chất lượng giống; hồ sơ theo dõi quá trình nuôi; nhật

ký nuôi, phiếu mua và quá trình sử dụng thuốc - hóa chất; tình trạng sức khỏe và các biện pháp kiểm soát bệnh; các biên bản kiểm tra của cơ quan quản lý (nếu có); các thông tin của sản phẩm khi bán.

- Hồ sơ phải được lưu giữ tại cơ sở tối thiểu là 2 năm.

Điều 18. Bảo vệ môi trường vùng nuôi trồng thủy sản.

1. Các cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết và đảm bảo xử lý các chất thải theo tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành. Có bảng nội quy quy định việc thu gom và xử lý các chất xả thải đúng quy định.

2. Tuyệt đối không xả trực tiếp xác động vật thủy sản ra ngoài môi trường tự nhiên. Có trách nhiệm báo cáo thường xuyên, kịp thời về tình hình ô nhiễm môi trường cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Điều 19. Nhân lực và an toàn lao động.

1. Người lao động phải đủ sức khỏe được hợp đồng lao động theo quy định, được tập huấn về kỹ thuật nuôi thủy sản lồng bè, kiến thức bảo vệ môi trường và công tác bảo đảm an toàn cho người và phương tiện trong nuôi thủy sản lồng bè trên biển; được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định.

2. Trên mỗi bè nuôi phải có bảng nội quy về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, phải trang bị phao cứu sinh (phao tròn, phao áo) các loại đủ cho các thành viên làm việc, phải có trang thiết bị thông tin theo dõi dự báo thời tiết, trang thiết bị cứu hỏa, báo hiệu...

CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm các Sở, ngành.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Hướng dẫn tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện dự án đầu tư nuôi trồng thủy sản thực hiện các thủ tục về lập dự án đầu tư; tổ chức thẩm định phương án đầu tư và xử lý tài sản đầu tư trên mặt nước biển, khu vực biển; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Biên nhận đầu tư) theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định dự án đầu tư về nuôi trồng thủy sản. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định hồ sơ xin thuê mặt nước biển, xin giao khu vực biển của tổ chức, cá nhân theo quy định.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Hướng dẫn tổ chức lập hồ sơ xin thuê mặt nước biển; tổ chức, cá nhân lập hồ sơ xin giao khu vực biển; kiểm tra, hướng dẫn phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện hoàn chỉnh hồ sơ cho thuê mặt nước biển đối với cá nhân trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định dự án đầu tư và hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định vị trí dự kiến nuôi trồng thủy sản trong trường hợp chưa có quy hoạch, kế hoạch phân vùng sử dụng biển (hoặc quy hoạch chi tiết nuôi trồng thủy sản) được duyệt.

Tiếp nhận và tổ chức thẩm định hồ sơ; năng lực của tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản, đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường, an ninh, an toàn trên biển.

4. Sở Tài chính:

Xác định nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân được thuê mặt nước biển, giao khu vực biển, trình Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng:

Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện ven biển kiểm tra việc triển khai thực hiện dự án đầu tư, phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm, xử lý theo quy định của pháp luật.

Phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường thẩm định dự án đầu tư; đánh giá điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân theo quy định.

6. Các Sở, ngành liên quan có trách nhiệm:

Phối hợp cùng các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư thực hiện việc xác định địa điểm, thẩm định dự án đầu tư; đánh giá điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân theo quy định; đảm bảo an ninh trật tự tại các địa điểm cho thuê mặt nước biển, giao khu vực biển cho các tổ chức, cá nhân.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường có biển.

1. Ủy ban nhân dân quận, huyện có biển:

Hướng dẫn cá nhân có nhu cầu sử dụng mặt nước biển để nuôi thủy sản lồng bè lập hồ sơ xin thuê mặt nước biển; thực hiện việc cho thuê mặt nước biển theo quy định; đề xuất mức bồi thường, hỗ trợ về thủy sản (nếu có) và phần kinh phí hỗ trợ di chuyển tài sản khi thu hồi mặt nước biển, khu vực biển.

Phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường thẩm định dự án đầu tư; thẩm định hồ sơ, năng lực của tổ chức, cá nhân xin thuê mặt nước biển, giao khu vực biển theo quy định.

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường bàn giao mặt nước biển, khu vực biển cho tổ chức, cá nhân sau khi có quyết định cho thuê mặt nước biển, giao khu vực biển; triển khai việc bồi thường, hỗ trợ (nếu có) khi thu hồi mặt nước biển, khu vực biển.

Thực hiện việc quản lý, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng mặt nước biển để nuôi thủy sản lồng bè, khu vực

biển để nuôi nhuyễn thể. Thực hiện thu hồi hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền thực hiện việc thu hồi mặt nước biển, khu vực biển theo quy định trong trường hợp phát hiện các vi phạm trong việc sử dụng mặt nước biển, khu vực biển.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường có biển:

Phối hợp bàn giao mặt nước biển, khu vực biển cho tổ chức, cá nhân sau khi có quyết định cho thuê mặt nước biển, giao khu vực biển; triển khai việc bồi thường, hỗ trợ (nếu có) khi thu hồi mặt nước biển, khu vực biển.

Thực hiện chức năng quản lý, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng mặt nước biển, khu vực biển vào mục đích nuôi trồng thủy sản theo quy định.

Điều 22. Xử lý chuyển tiếp.

Sau khi dự án xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nếu diện tích mặt nước biển đã được thuê, diện tích khu vực biển đã được giao không thay đổi theo địa giới hành chính của đơn vị đã ra quyết định cho thuê mặt nước biển, giao khu vực biển thì tổ chức, cá nhân được tiếp tục sử dụng theo thời hạn quy định. Nếu diện tích này có sự thay đổi theo địa giới hành chính của đơn vị đã ra quyết định cho thuê mặt nước biển, giao khu vực biển thì kết thúc thời hạn thuê mặt nước biển, giao khu vực biển.

Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cho thuê mặt nước biển, giao khu vực biển xem xét, quyết định thời hạn cho thuê mặt nước biển, giao khu vực biển đối với từng trường hợp cụ thể, phù hợp với quy định tại Điều 12 Nghị định số 27/2005/NĐ-CP ngày 08/3/2005; Điều 7 nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ và đáp ứng yêu cầu thực tế quản lý hành chính trên biển tại các địa phương.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương có văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**


Nguyễn Văn Tùng